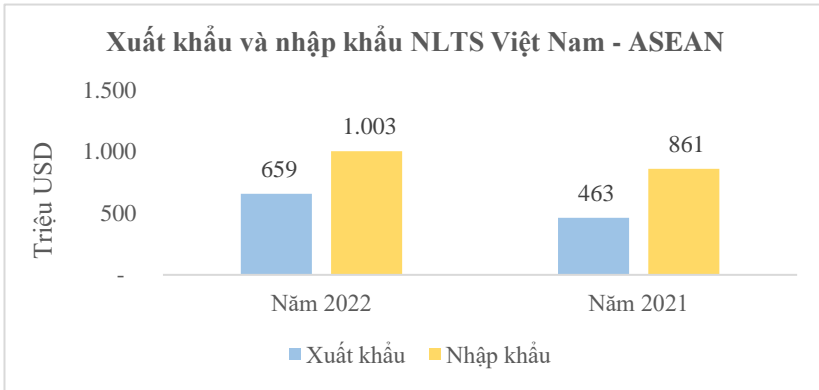


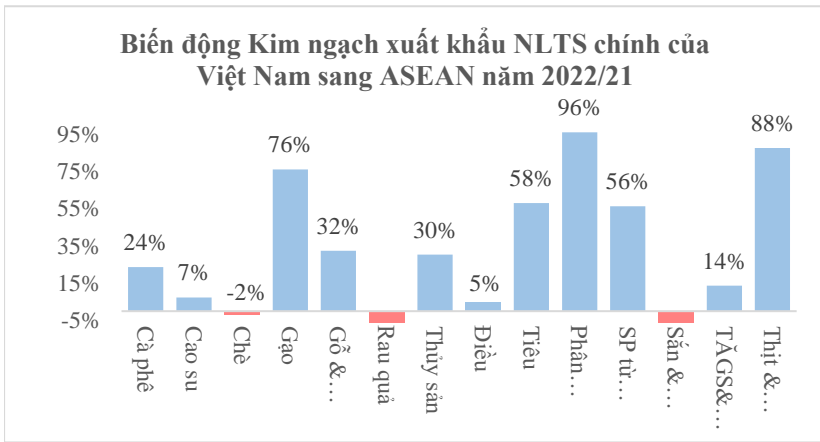
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường ASEAN



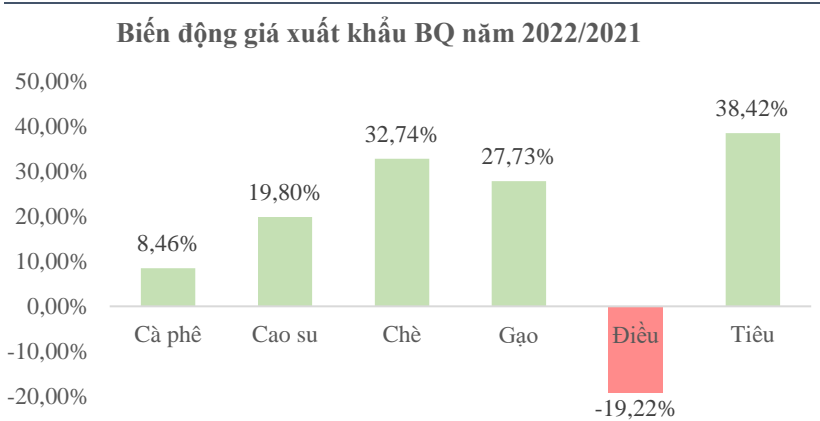
So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam – ASEAN (2T/ 2022 – 2T/ 2021)

- Xuất khẩu ▲ 42,29%
- Nhập khẩu ▲ 16,48%



So sánh 2T-2021/ 2020

- Cà phê ▲ 23,65%
- Cao su ▲ 7,04 %
- Chè ▼ -1,89 %
- Gạo ▲ 75,93%
- Gỗ và SP Gỗ ▲ 32,30%
- Rau quả ▼ 19,19%
- Thủy sản ▼ 30,24%
- Hạt điều ▼ 4,67%
- Hạt tiêu ▲ 57,95%
- Phân bón ▲ 95,88%
- SP từ cao su ▲ 56,20%
- Sản & SP sản ▼ 21,01%
- TÀGS và NL ▲ 13,61%
- Thịt và SP thịt ▲ 87,50%



So sánh giá xuất khẩu BQ T1-2022/2021

- Cà phê ▲ 8,46%
- Cao su ▲ 19,80%
- Gạo ▲ 27,73%
- Hạt điều ▼ 19,22%
- Hạt tiêu ▲ 38,42 %

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

2 tháng đầu năm, xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) của Việt Nam sang thị trường ASEAN chiếm 17,11% tổng xuất khẩu NLTS của Việt Nam. Giá trị xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang các nước ASEAN đạt 658,5 triệu USD, tăng 42,29% so với cùng kỳ năm 2021, trong khi nhập khẩu đạt hơn 1 tỷ USD, tăng 16,48% so với cùng kỳ năm trước. Tính riêng tháng 2/2022, kim ngạch xuất khẩu NLTS đạt 306,7 triệu USD, giảm 12,82 so với tháng trước nhưng tăng 85,68% so với cùng kỳ năm 2020.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang ASEAN trong tháng 2/2022 là gạo (chiếm 49%), thủy sản (chiếm 16%), cà phê (chiếm 6%), phân bón các loại (chiếm 5%), gỗ và sản phẩm gỗ (chiếm 4%). So với tháng 2/2021, có 11/13 mặt hàng NLTS có kim ngạch xuất khẩu tăng, cao nhất là sản phẩm từ sắn (tăng 205%), gạo (tăng 179%), hạt tiêu (tăng 171%), sản phẩm từ cao su (tăng 120%), hàng thủy sản (tăng 88%), hạt điều (tăng 70%). Trong khi đó, có 2/13 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm, giảm nhiều nhất là chè (giảm 24%) và cà phê (giảm 6%) *Chi tiết tại phụ lục đính kèm*.

Bộ Nông nghiệp và Hợp tác xã Thái Lan sẽ triệu tập một cuộc họp của Ủy ban Trái cây vào ngày 7/4 để cải thiện các khía cạnh của việc xuất khẩu trái cây sang Trung Quốc qua tuyến đường sắt Lào-Trung Quốc, từ các quy trình giao nhận giấy tờ, kiểm tra sản phẩm tới cách thức tránh chậm trễ. Thái Lan đã vận chuyển thành công lô trái cây gồm sầu riêng và dứa đến miền Nam Trung Quốc trên tuyến đường này. Hai container sầu riêng và một container dứa xuất phát hôm 27/3 từ ga Map Ta Phut ở tỉnh Rayong và được vận chuyển qua Lào để tới Trung Quốc sau ba ngày.

Theo tờ Producereport, chủng loại quả xoài tươi của Campuchia đang gặp khó khăn trong việc giữ thị phần tại thị trường Trung Quốc sau gần một năm kể từ khi Trung Quốc cho phép nhập khẩu xoài tươi từ Campuchia, do các hạn chế biên giới liên quan đến tình hình dịch Covid-19 và hàng hoá xuất khẩu chậm lại. Đầu năm 2022, một số lô hàng xuất khẩu xoài của Campuchia tới Trung Quốc đã bị trì hoãn tại cảng và bị hỏng. Các nhà xuất khẩu cũng gặp khó khăn trong việc đảm bảo các container lạnh và kho vận chuyển cho các chuyến hàng đường biển từ cảng Sihanoukville của Campuchia đến Trung Quốc.

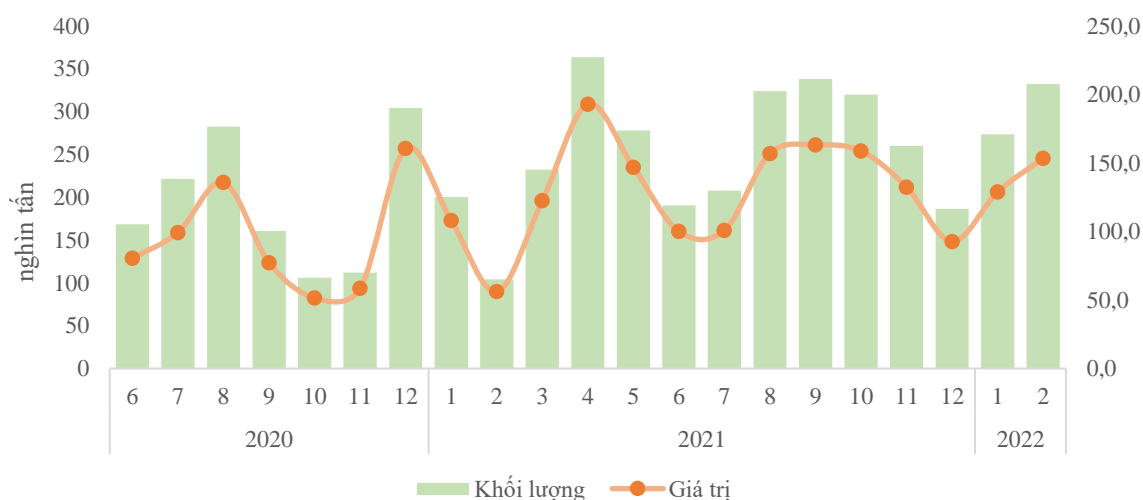
Theo Cơ quan Thực phẩm và Dược phẩm Saudi Arabia, xuất khẩu thịt gà từ Thái Lan sang Saudi Arabi sẽ bắt đầu được nối lại từ tháng 4/2022. Theo đó, Thái Lan có 11 nhà máy chế biến đã vượt qua các cuộc kiểm tra và được phép xuất khẩu thịt gà ướp lạnh, đông lạnh và thịt gà chế biến sang thị trường Saudi Arabia. Năm đơn vị trong số đó thuộc sở hữu của Charoen Pokphand Foods (CPF) Thái Lan và công ty này cũng hy vọng sẽ tăng số đơn vị được phép xuất khẩu trong những tháng tiếp theo.

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 2/2022, Việt Nam xuất khẩu được 332,2 nghìn tấn gạo, trị giá 153,5 triệu USD sang thị trường ASEAN, tăng 21,5% về khối lượng và 19,1% về giá trị so với tháng trước; và tăng 219,6% về khối lượng và 173,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

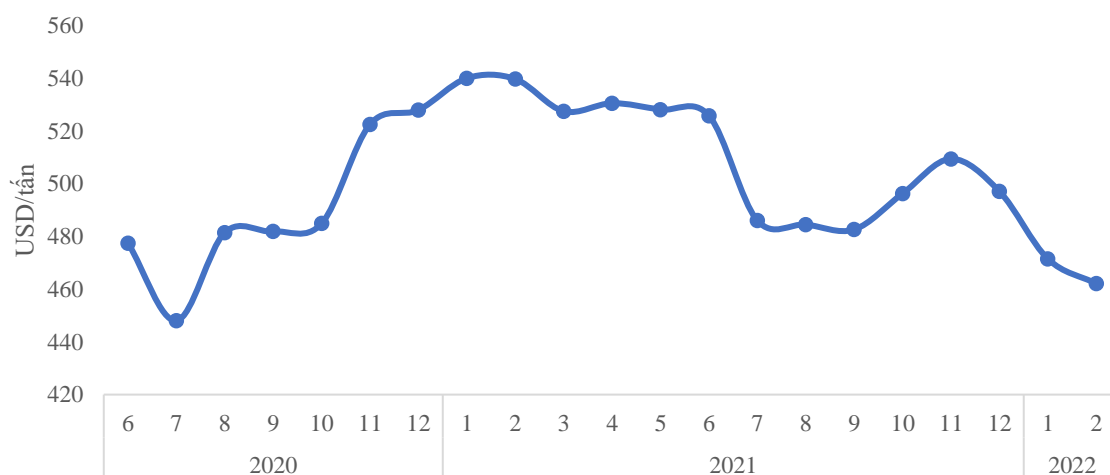
Hình 1. Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường ASEAN tháng 2/2022 đạt 462,1 USD/tấn, giảm 2,0% so với tháng trước và giảm 14,4% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 2. Giá gạo xuất khẩu trung bình sang thị trường ASEAN

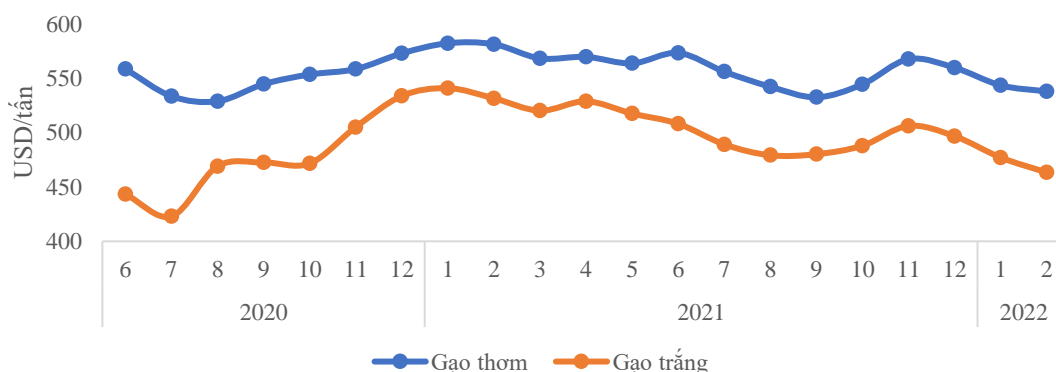


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 2/2022, gạo trắng là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang ASEAN đạt 258,9 nghìn tấn, trị giá 117,9 triệu USD, chiếm 77,9% về khối lượng và 76,8% về giá trị; so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo trắng sang ASEAN đã tăng 340,0% về khối lượng và 270,6% về giá trị.

Giá gạo trắng tháng 2/2022 đạt trung bình 463,4 USD/tấn, giảm 2,9% so với tháng trước và 12,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá gạo thơm đạt 537,8 USD/tấn, giảm 1,0% so với tháng trước và 7,5% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3. Giá một số loại gạo xuất khẩu sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

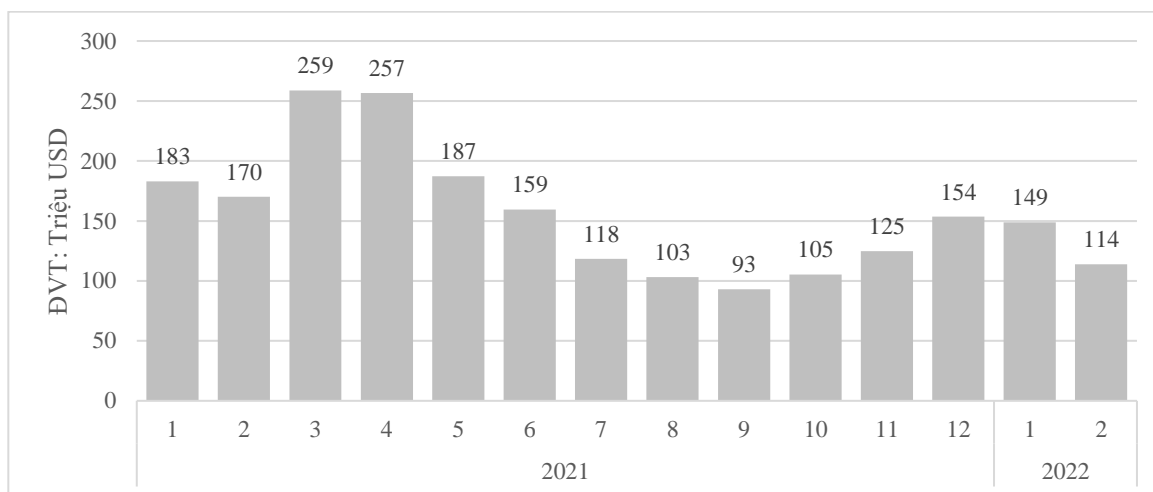
2. RAU QUẢ

Theo báo cáo của Vụ Nội thương Thái Lan, tổng sản lượng trái cây trong vụ thu hoạch 2022 dự kiến tăng 13% lên 5,43 triệu tấn, chủ yếu là sầu riêng (tăng 22%), măng cụt (tăng 43%), nhãn (tăng 7,8%), chôm chôm (tăng 6%) và xoài (tăng 5%).

Khoảng 30% sản lượng sẽ được dành cho tiêu dùng trong nước và 70% dành cho xuất khẩu. Bộ Thương mại Thái Lan đã đặt mục tiêu đạt kim ngạch xuất khẩu trái cây trị giá 287,50 tỷ baht (8,53 tỷ USD), bao gồm trái cây tươi, đông lạnh, sấy khô và đóng hộp. Trong số các thị trường xuất khẩu, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu trái cây chính của Thái Lan, chiếm 65%, tiếp theo là Mỹ (10%), Hong Kong (4%), Việt Nam (3%) và Malaysia với 1%.

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường ASEAN tháng 2 năm 2022 đạt 18,4 triệu USD, chiếm 8,5% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 13,5% so với tháng trước và tăng 18,6% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 2 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này đạt 39,6 triệu USD, chiếm 7,8% thị phần, giảm 19,5% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 4. Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường ASEAN

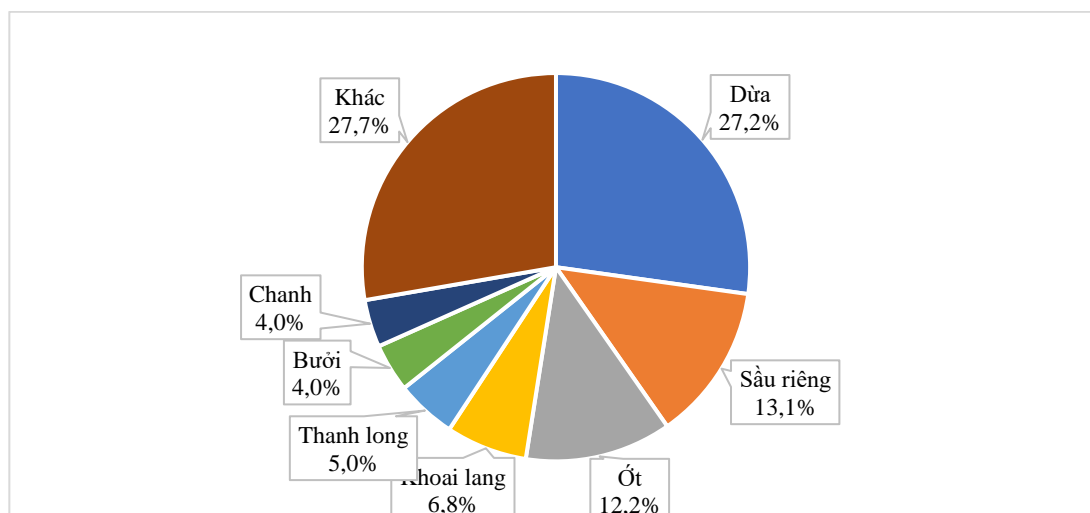


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang ASEAN tháng 2 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 15,1 triệu USD (chiếm 82,1% thị phần, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm 2021) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 3,3 triệu USD (chiếm 17,9% thị phần), tăng 106,2%, trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (Mã HS: 2008) đạt 1,2 triệu USD (tăng 199,4% so với cùng kỳ năm trước); (ii) nước ép, nước cốt trái cây (Mã HS: 2009) đạt 905,7 nghìn USD (tăng 146,2%); (iii) rau chế biến (không đông lạnh – Mã HS:2005) đạt 760,2 nghìn USD (tăng 58,7%); v.v.

Trong tháng 2 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang ASEAN nhiều nhất bao gồm: dứa đạt 5,0 triệu USD (chiếm 27,2% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 76,8% so với cùng kỳ năm 2021; sầu riêng đạt 2,4 triệu USD (chiếm 13,1%), cao gấp 9,0 lần; ớt các loại đạt 2,2 triệu USD (chiếm 12,2%), giảm 21,3%; khoai lang đạt 1,2 triệu USD (chiếm 6,8%), giảm 13,3%; thanh long đạt 0,9 triệu USD (chiếm 5,0%), giảm 2,0%; v.v

Hình 5. Cơ cấu rau quả chính xuất khẩu sang ASEAN tháng 2/2022



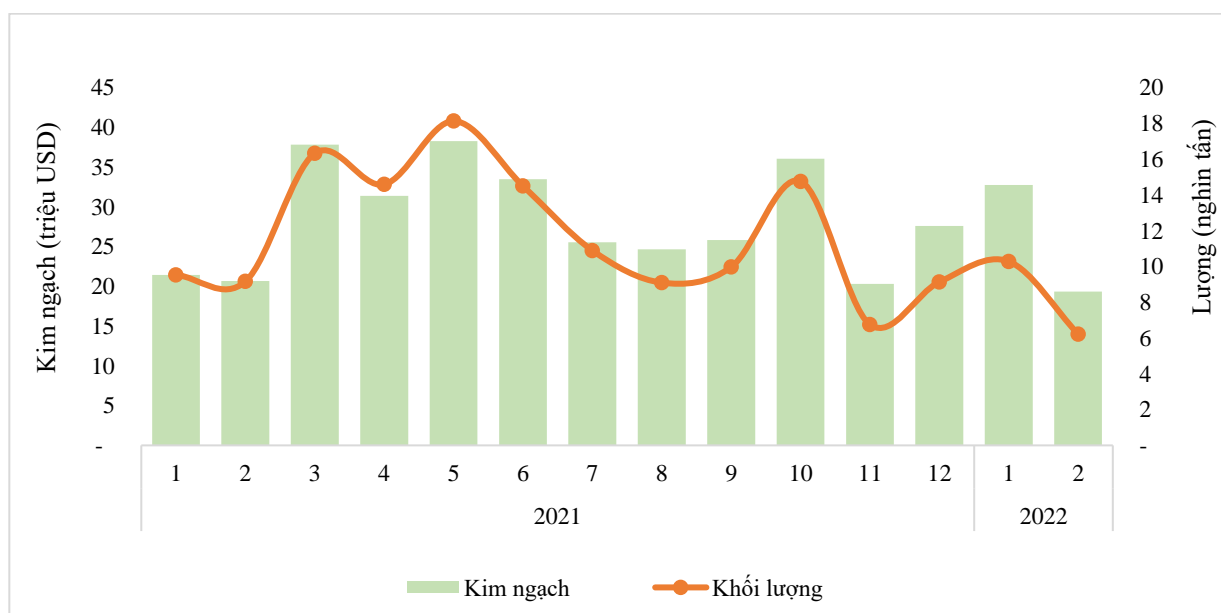
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam từ thị trường ASEAN tháng 2 năm 2022 đạt 21,1 triệu USD, chiếm 23,0% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 13,1% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 2 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 39,5 triệu USD, chiếm 37,3% thị phần, giảm 10,9% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 2/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là đậu xanh đạt 12,2 triệu USD (chiếm 57,9%), tăng 35,0% so với cùng kỳ năm 2021; xoài đạt 2,9 triệu USD (chiếm 13,9%), giảm 4,7%; chuối đạt 1,5 triệu USD (chiếm 7,3%), tăng 63,1%; nhãn đạt 1,0 triệu USD (chiếm 4,8%), giảm 36,4%; v.v.

3. CÀ PHÊ

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường ASEAN tháng 02/2022 ước đạt 6,2 nghìn tấn với trị giá 19,3 triệu USD, giảm 39,5% về lượng và 41,0% về giá trị so với tháng trước, và giảm 32,1% về lượng và 6,4% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

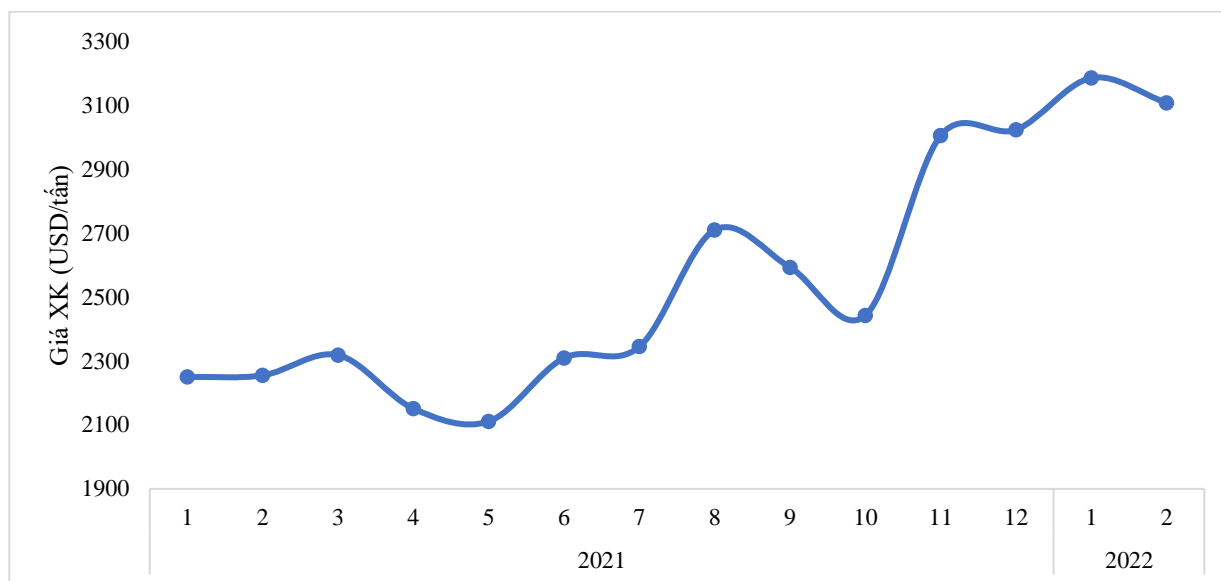
Hình 6. Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu bình quân cà phê Việt Nam sang ASEAN tháng 02/2022 đạt 3.107 USD/tấn, giảm 2,4% so với tháng trước nhưng tăng 37,8% so với cùng kỳ năm trước.

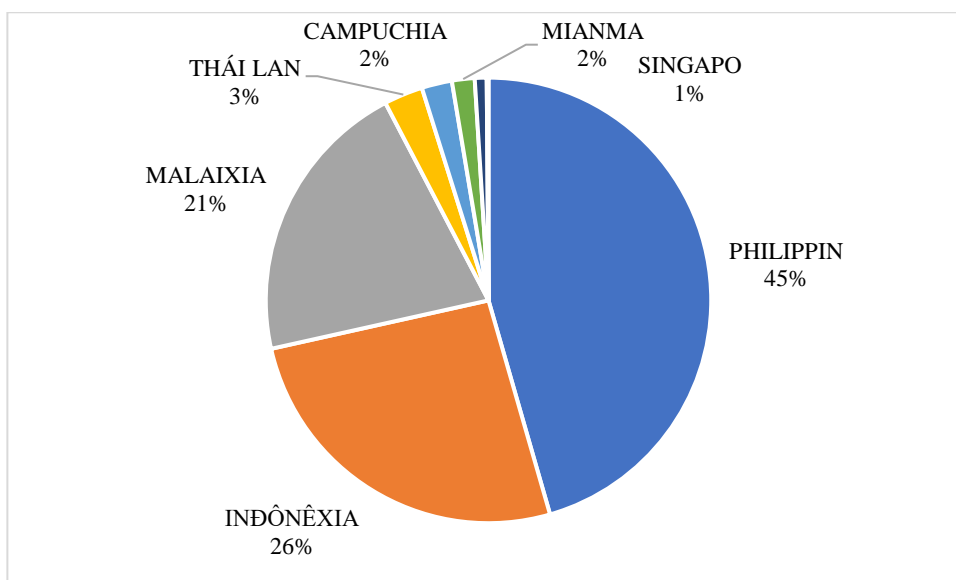
Hình 7. Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 02/2022, Philippines là quốc gia nhập khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam với 8,8 triệu USD, chiếm 45,5% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường ASEAN. Indonesia là quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai với 5,0 triệu USD, chiếm 26,0%. Tiếp theo là Malaysia, Thái Lan và Campuchia chiếm lần lượt 20,8%, 2,8% và 2,2% trong tổng kim ngạch cà phê xuất khẩu sang thị trường ASEAN.

Hình 8. Cơ cấu xuất khẩu cà phê sang các quốc gia thị trường ASEAN

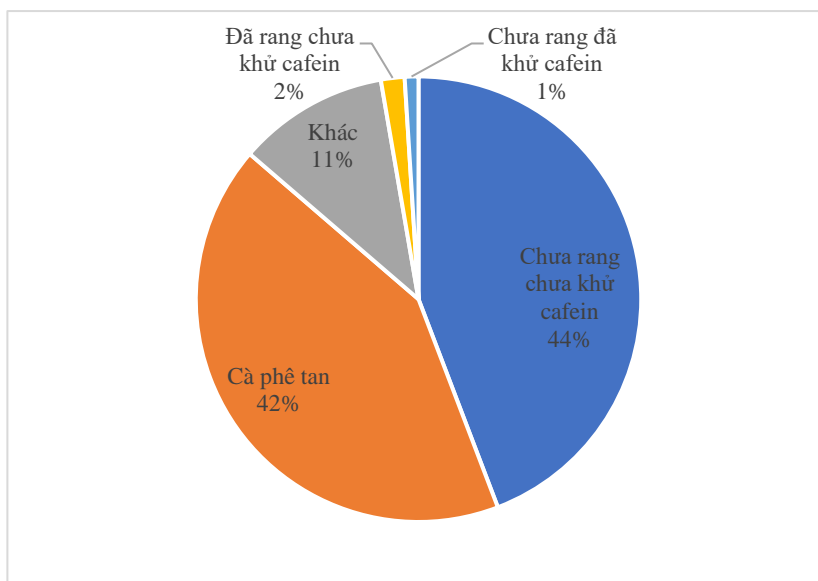


Nguồn: Tổng cục Hải Quan

Trong tháng 02/2022, cà phê chưa rang chưa khử cafein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường ASEAN đạt 8,5 triệu USD, chiếm 44,2% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê tan với kim ngạch 8,1 triệu USD, chiếm 42,1% tổng

giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê đã rang chưa khử cafein chiếm 1,7% tổng giá trị xuất khẩu sang ASEAN.

Hình 9. Cơ cấu sản phẩm, cà phê xuất khẩu sang ASEAN

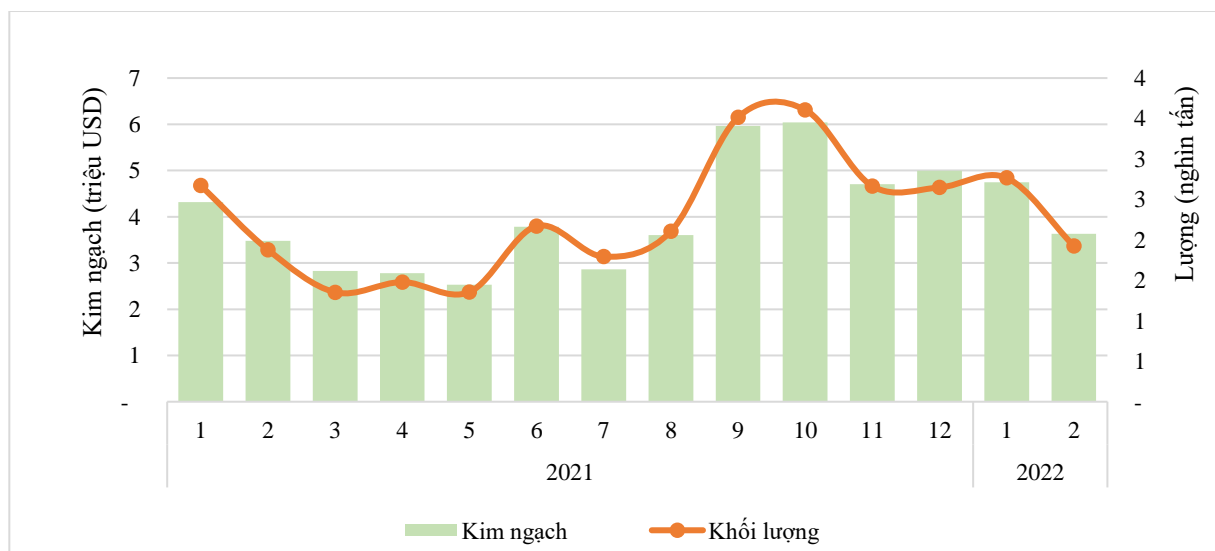


Nguồn: Tổng cục Hải quan

4. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 02/2022, xuất khẩu cao su sang các quốc gia ASEAN ước đạt 1,9 nghìn tấn với trị giá 3,6 triệu USD, giảm 30,4% về khối lượng và 23,5% về giá trị so với tháng trước, nhưng tăng 2,5% về khối lượng và 4,3% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

Hình 10. Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường ASEAN

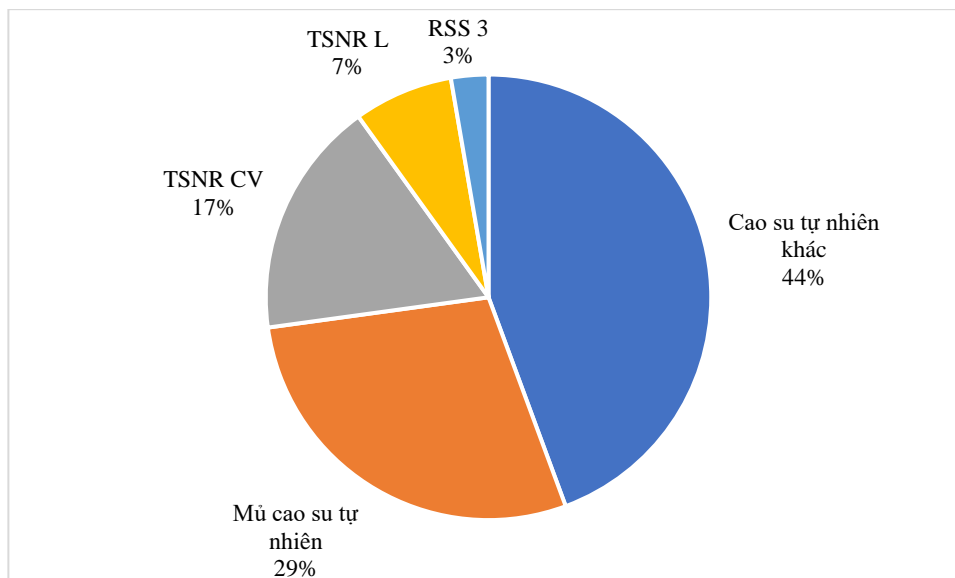


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 02/2022, mủ cao su tự nhiên là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang các quốc gia ASEAN đạt 829,3 nghìn USD,

chiếm 28,5% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là TSNR CV với kim ngạch 502,4 nghìn USD, chiếm 17,2% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là TSNR L chiếm 7,2% tổng giá trị xuất khẩu sang ASEAN.

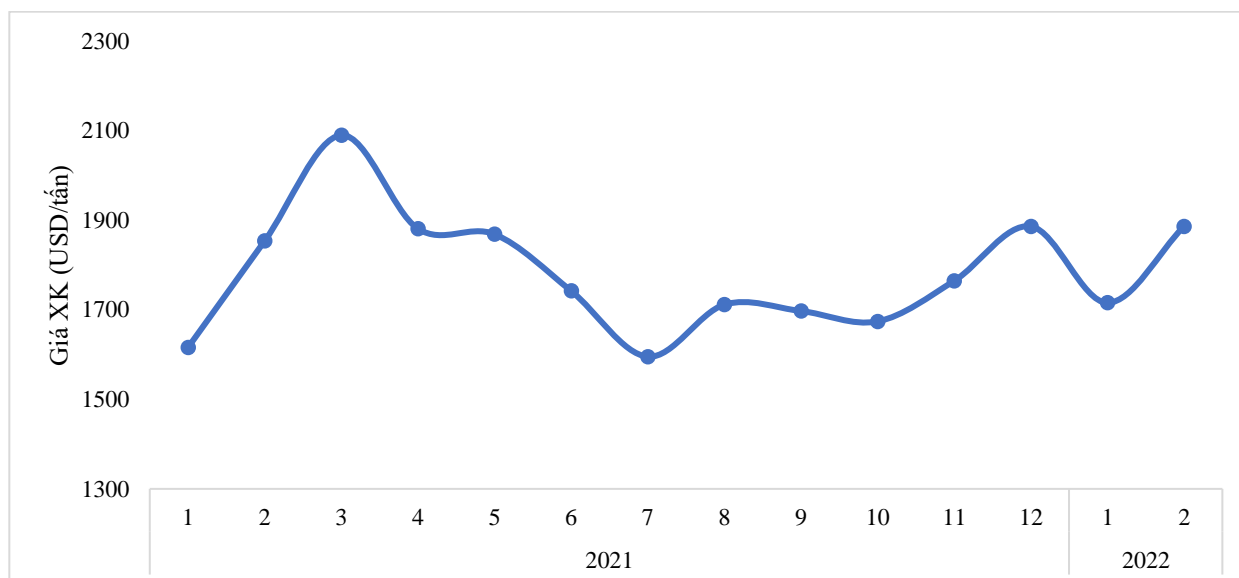
Hình 11. Chủng loại cao su tự nhiên (HS 4001) xuất khẩu sang ASEAN theo kim ngạch tháng 2/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang các quốc gia ASEAN đạt mức 1.886 USD/tấn trong tháng 02/2022, tăng 10,0% so với tháng trước và tăng 1,8% so với cùng kỳ 2021.

Hình 12. Giá cao su xuất khẩu sang thị trường ASEAN

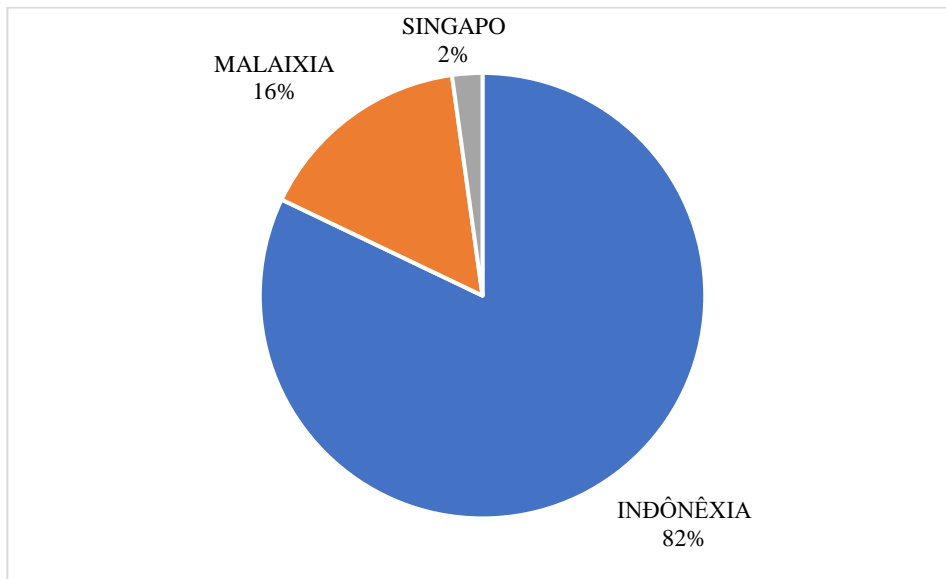


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong khối ASEAN, tháng 02/2022, Indonesia là quốc gia nhập khẩu cao su tự nhiên lớn nhất của Việt Nam với 3,0 triệu USD, chiếm 82,1% tổng kim ngạch xuất khẩu

cao su của Việt Nam sang các quốc gia ASEAN. Malaysia là quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai với 570,4 nghìn USD, chiếm 15,7%.

Hình 13. Xuất khẩu cao su sang một số thị trường chính trong thị trường ASEAN

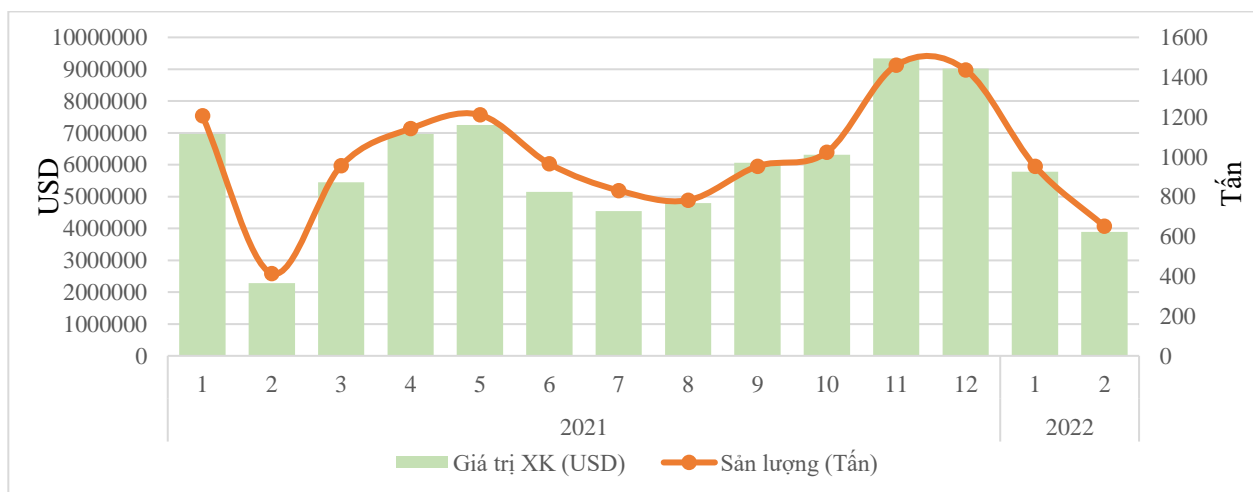


Nguồn: Tổng cục Hải quan

6. ĐIỀU

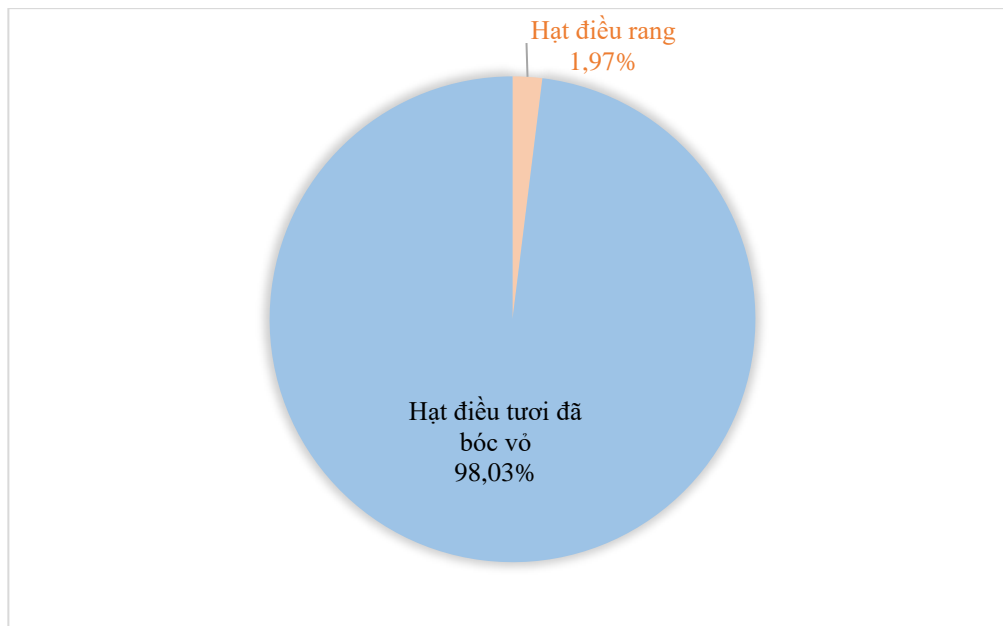
Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 2/2022, Việt Nam xuất khẩu được 651 tấn điều, trị giá 3,89 triệu USD sang thị trường ASEAN, giảm 31,7% về khối lượng và 32,7% về giá trị so với tháng trước; nhưng tăng 57,2% về khối lượng và 70,4% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

Hình 14. Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường ASEAN



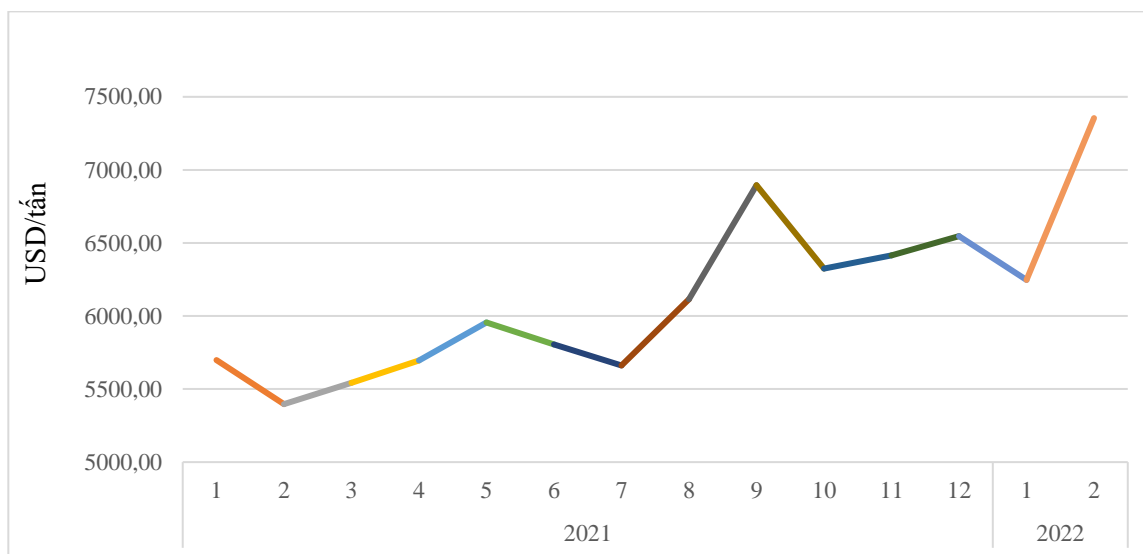
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 2/2022, xuất khẩu hạt điều tươi đã bóc vỏ chiếm tới 98%, tổng giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này, đạt 5,9 triệu USD, giảm 22,7% so với tháng trước nhưng tăng 84% so với cùng kỳ năm trước. Hạt điều rang chỉ chiếm khoảng 2%, đạt 0,3 triệu USD, tăng 79,2% so với tháng trước và 84,1% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 15. Cơ cấu xuất khẩu hạt điều xuất khẩu sang thị trường ASEAN

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu điều nhân trung bình sang thị trường ASEAN tăng mạnh so với tháng trước. Cụ thể, giá xuất khẩu trung bình trong tháng 2/2022 đạt 7.354 nghìn USD/tấn, giảm 36,3% so với tháng trước nhưng tăng 17,7% so với cùng kỳ năm trước.

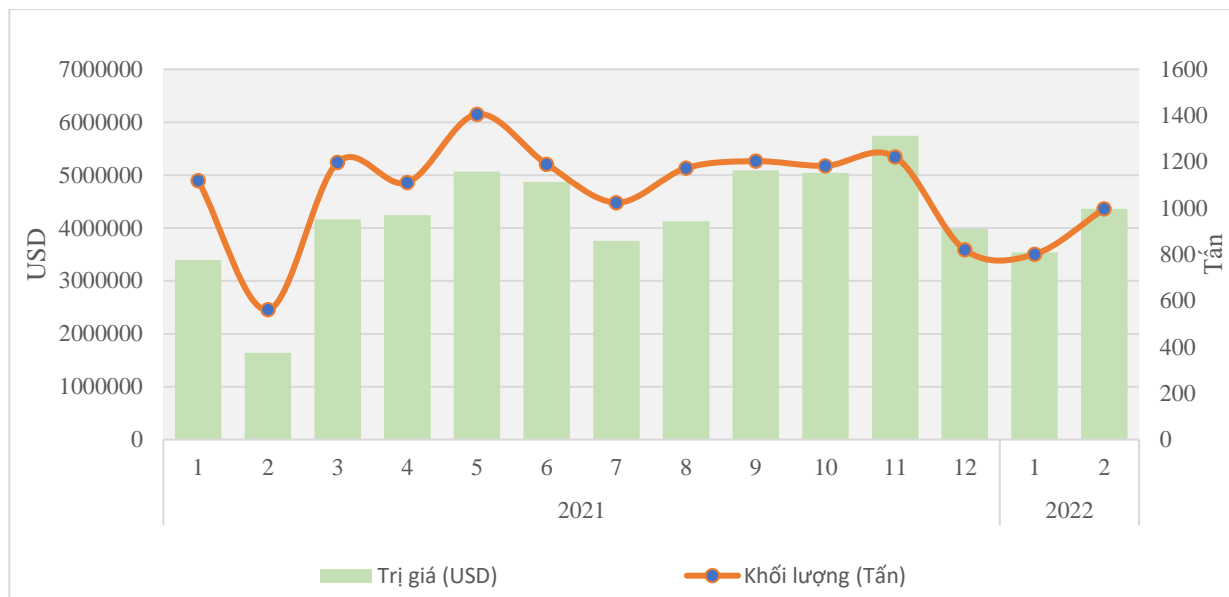
Hình 16. Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường ASEAN

Nguồn: Tổng cục Hải quan

7. HỒ TIÊU

Theo số liệu công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang thị trường ASEAN giảm mạnh trong tháng 2/2022, sản lượng xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường này đạt 997 tấn hồ tiêu với trị giá 4,36 triệu USD, về khối lượng tăng 24,47% so với tháng trước và 77,72% so với năm trước, về giá trị tăng 23,2% so với tháng trước và 166% so với năm trước.

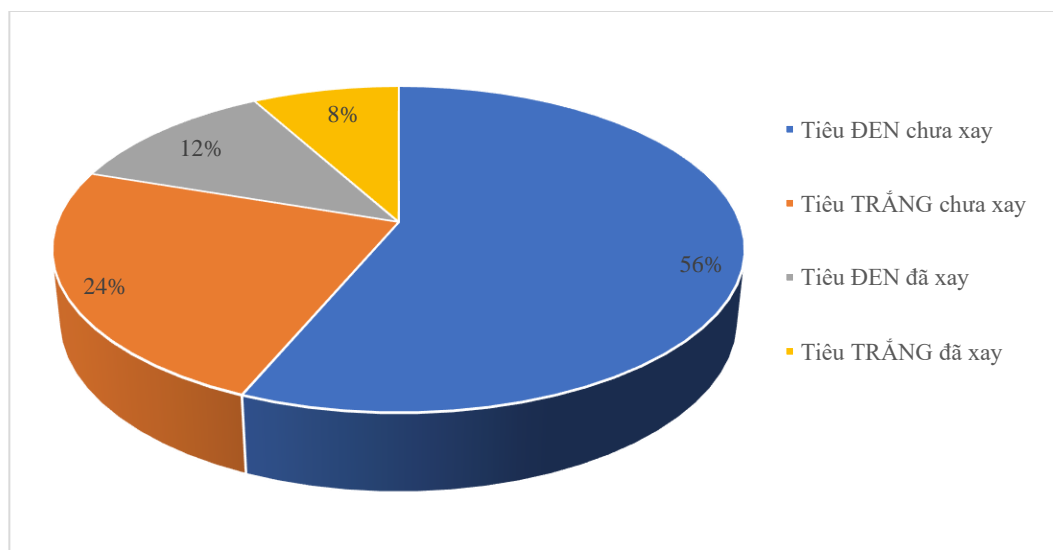
Hình 17. Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 2/2022, tiêu đen chưa xay vẫn tiếp tục là loại sản phẩm chính của Việt Nam sang ASEAN, chiếm 56% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 55,03% so với năm trước và 140% so với tháng trước. Sản phẩm được xuất khẩu nhiều thứ hai là tiêu trắng chưa xay, chiếm 24%, tăng 26,2% so với tháng trước và 247% so với cùng kỳ năm trước.

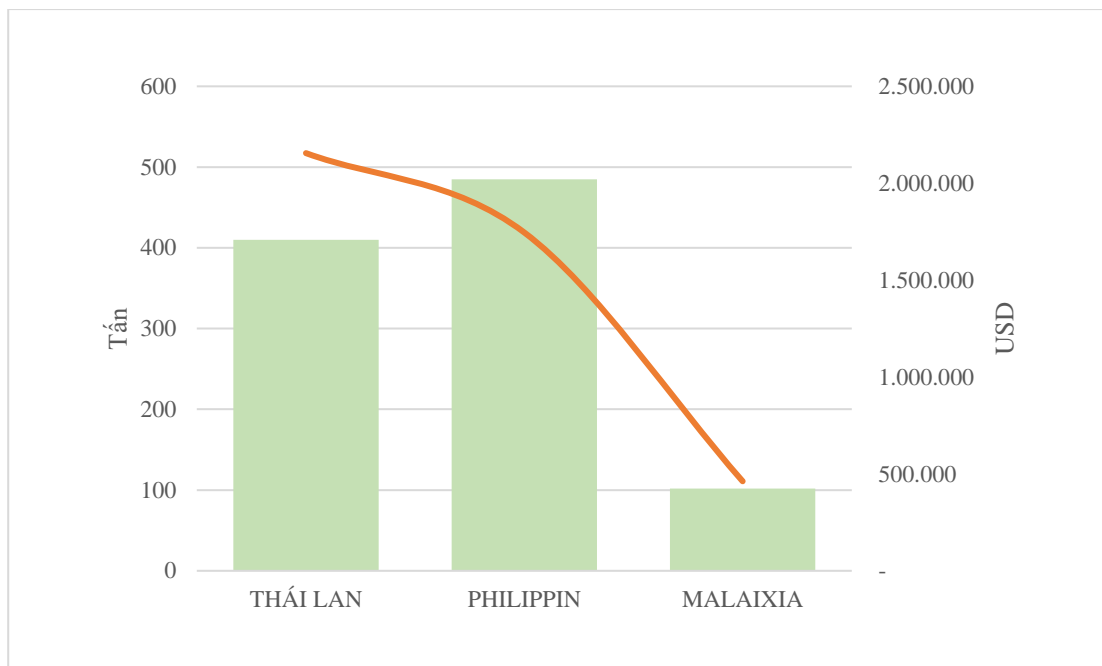
Hình 18. Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường ASEAN tháng 2/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Quốc gia dẫn đầu về kim ngạch nhập khẩu hồ tiêu của Việt Nam trong khối ASEAN trong tháng 2/2022 là Thái Lan với 410 nghìn tấn, đạt 2,1 triệu USD (chiếm 49,4%), đứng thứ 2 là Phillipin với 485 nghìn tấn, đạt 1,7 triệu USD (chiếm 40%). Thấp nhất là Malaixia với 102 tấn, 462 nghìn USD (chiếm 10,6%).

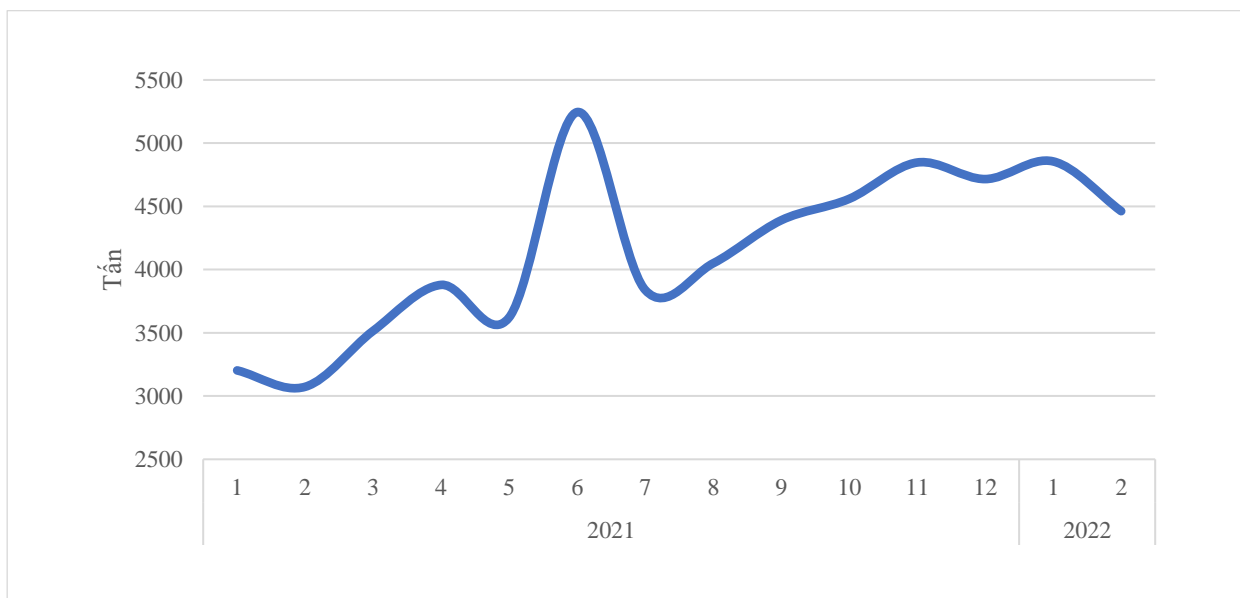
Hình 19. Kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam thị trường ASEAN tháng 2/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá hồ tiêu xuất khẩu vào ASEAN trong tháng 2/2022 vẫn tăng, lên mức 4.462 USD/tấn, giảm 8,1% so với tháng trước nhưng tăng 45,2% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 20. Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường ASEAN

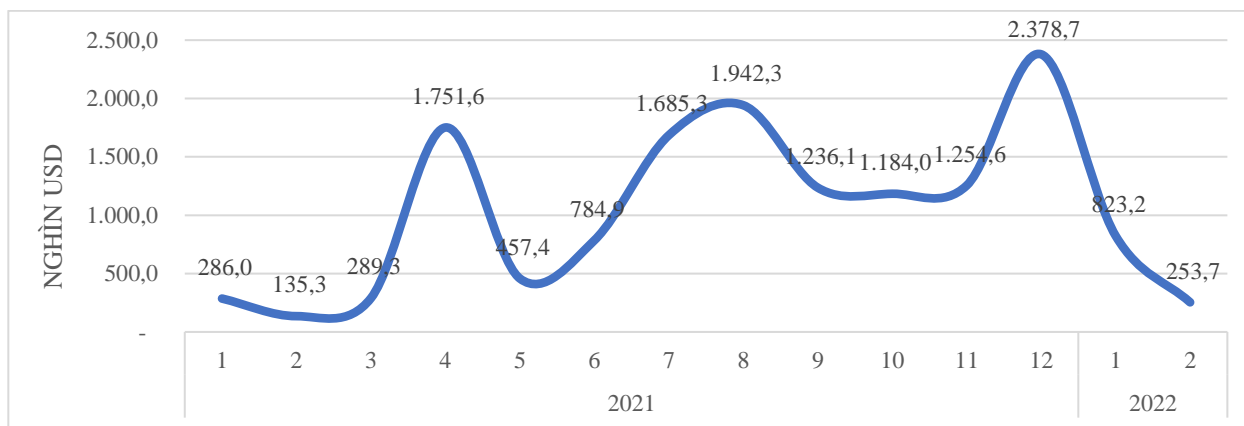


Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

8. THỊT VÀ SẢN PHẨM THỊT

Trong tháng 2/2022, tổng giá trị xuất khẩu sản phẩm thịt của Việt Nam sang các nước khu vực ASEAN có xu hướng giảm nhẹ so với tháng trước, giảm 11,3% đạt 253,7 nghìn USD, nhưng tăng 87,5% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 21. Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường ASEAN

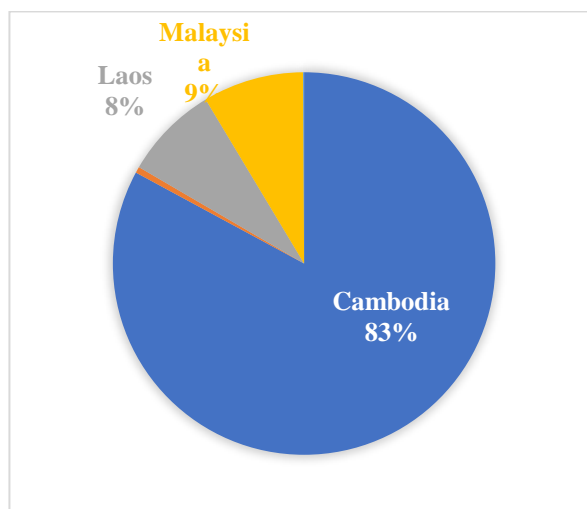


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Gia cầm sống là sản phẩm xuất khẩu chính của Việt Nam sang thị trường ASEAN tháng 2/2022, chiếm tới 50,7%, đạt 128,6 nghìn USD, tăng 38,9% so với tháng trước. Thịt trâu, bò đông lạnh đạt 92,3 nghìn USD, chiếm 36,4%; phụ phẩm giết mổ đạt 20,7 nghìn USD chiếm 8,2% và thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối, vv) đạt 9,5 nghìn USD chiếm 3,8%.

Trong tháng 2/2022, Campuchia là thị trường xuất khẩu lớn nhất trong khu vực của Việt Nam đạt 210,3 nghìn USD chiếm 82,9% tổng giá trị xuất khẩu; tiếp đến là Malaysia đạt 21,6 nghìn USD chiếm 8,5%.

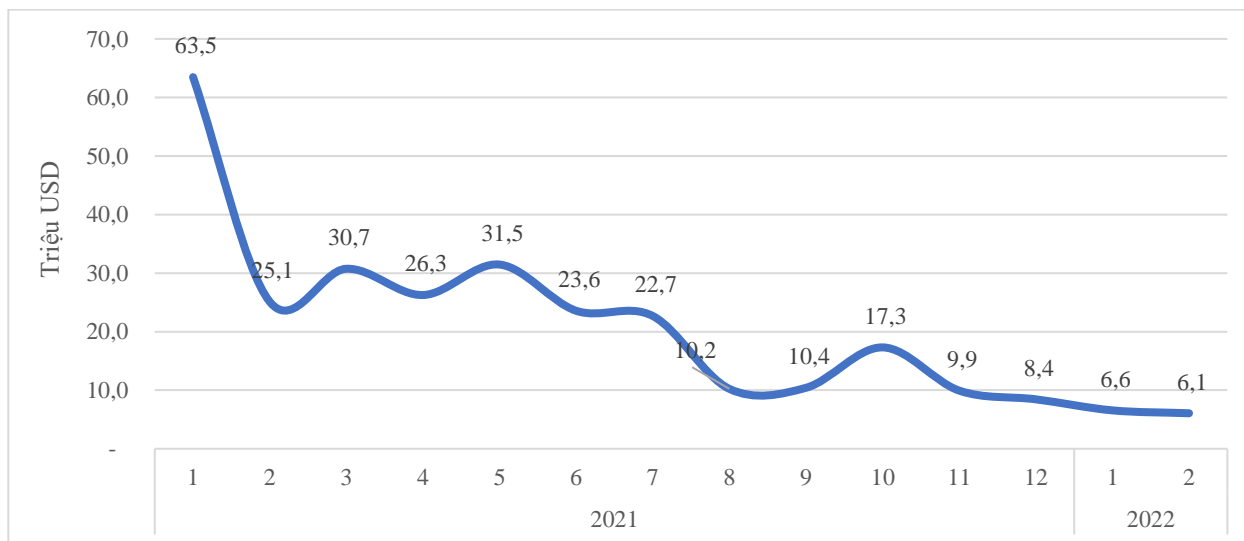
Hình 22. Cơ cấu giá trị XK thịt và sản phẩm chăn nuôi sang ASEAN tháng 2/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về tình hình nhập khẩu, trong tháng 2/2022, Việt Nam nhập khẩu khoảng 6 triệu USD sản phẩm thịt và động vật sống từ các nước ASEAN, giảm 75,9% so cùng kỳ năm trước, và 90,5% so với tháng trước. Sản phẩm nhập khẩu nhiều nhất trong tháng 2/2022 vẫn là trâu bò sống chiếm tới 86,4% đạt 5,2 triệu USD; gia cầm sống chiếm 11,6%, đạt hơn 0,7 triệu USD.

Hình 23. Giá trị nhập khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam từ thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

8. THỦY SẢN

Theo số liệu thống kê của cơ quan Hải quan Thái Lan, kim ngạch xuất khẩu thủy sản của nước này trong tháng 1/2022 đạt 13 tỷ Baht (tương đương 393 triệu USD), tăng 14,7% so với tháng 1/2021. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, Ôx-trây-li-a, Ai Cập lần lượt là những thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Thái Lan. Xuất khẩu thủy sản của Thái Lan tới các thị trường lớn trong tháng 1/2022 đều tăng khá mạnh so với cùng kỳ năm 2021.

Theo Tổng cục Hải quan, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường ASEAN tháng 2/2022 đạt 50,2 triệu, tăng 87,7 % so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 7,9% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam.

Hình 24. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường ASEAN 2021-2022

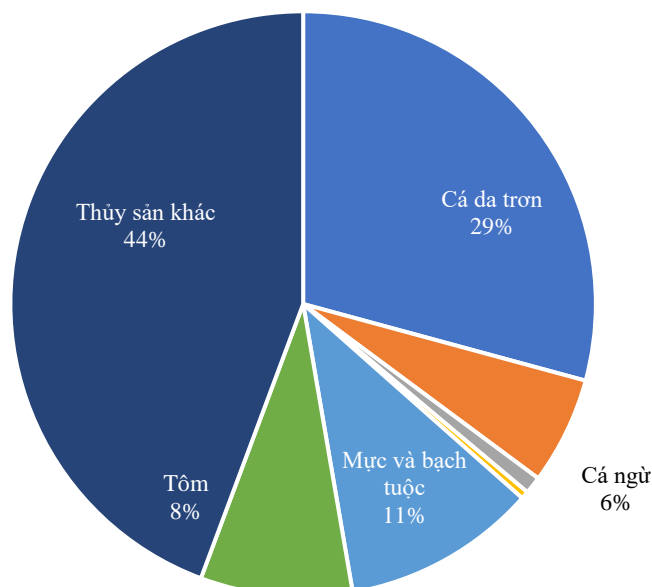
(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cá da trơn là mặt hàng thủy sản tiêu thụ chính tại thị trường này trong tháng 2/2022, chiếm 29,2% giá trị xuất khẩu; mực và bạch tuộc chiếm 10,7%.

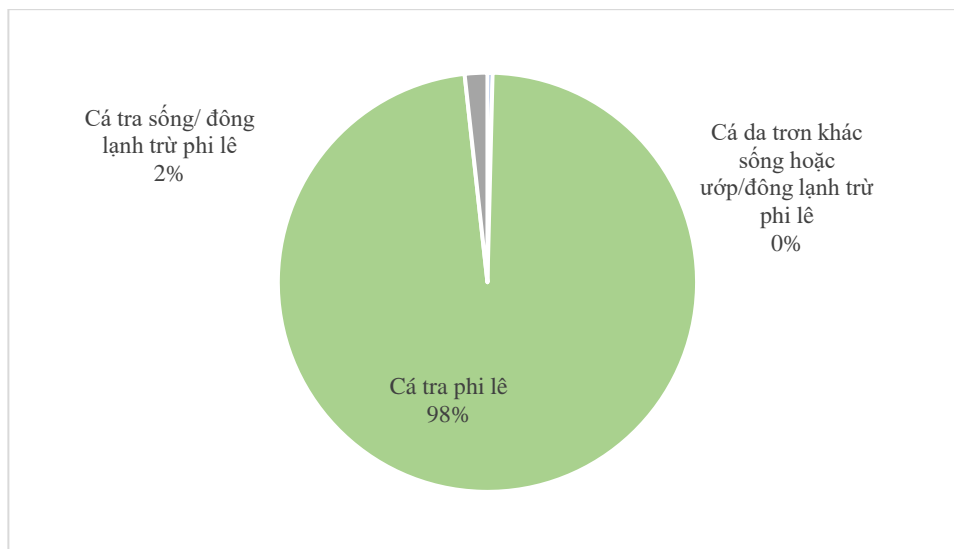
Hình 25. Cơ cấu mặt hàng thủy sản xuất khẩu sang ASEAN tháng 2/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tháng 2/2022, Cá da trơn là sản phẩm thủy sản tăng trưởng mạnh tại thị trường này, đạt 14,7 triệu USD, tăng 146,9% so với cùng kỳ năm trước nhưng giảm 20% so với tháng 1/2022. Trong đó, giá trị xuất khẩu cá tra phi lê đạt 14,3 triệu USD, chiếm 97,9% tăng 146% so với cùng kỳ năm trước; cá tra sống/đông lạnh trừ phi lê đạt 0,3 triệu USD, chiếm 1,7%, tăng 262,0%.

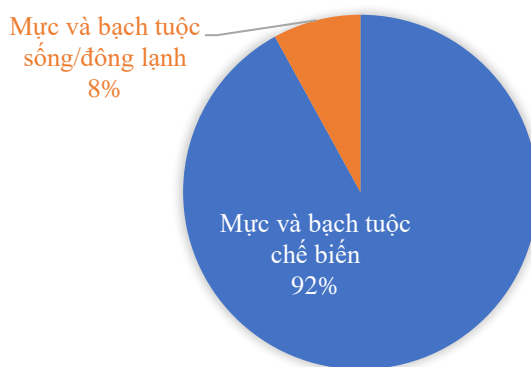
Hình 26. Cơ cấu cá tra xuất khẩu sang thị trường ASEAN tháng 2/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tháng 2/2022, giá trị xuất khẩu mực và bạch tuộc sang thị trường này đạt 5,4 triệu USD, tăng 53,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, mực và bạch tuộc chế biến đạt 5 triệu USD, chiếm 92%, tăng 59,2%; mực và bạch tuộc sống/đông lạnh đạt 0,4 triệu USD chiếm 8%, giảm 6,3%.

Hình 27. Cơ cấu mực và bạch tuộc xuất khẩu sang thị trường ASEAN tháng 2/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu cá da trơn bình quân tháng 2 sang thị trường này đạt 2,1 USD/kg, 31,8% so với cùng kỳ năm 2021; cá rô phi đạt 2,6 USD/kg, tăng 58,8%; tôm đạt 5,2 USD/kg, tăng 11,2%.

Bảng 1. Giá xuất khẩu một số sản phẩm thủy sản sang thị trường ASEAN tháng 2/2022

TT	Sản phẩm	Giá (USD/kg)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	2,1	31,8%	6,9%
2	Cá rô phi	2,6	58,2%	15,7%
3	Cua, ghẹ	5,6	1,3%	5,0%
4	Mực và bạch tuộc	9,2	34,7%	10,2%
5	Tôm	5,2	11,2%	-10,4%

Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Mặc dù căng thẳng Nga-Ukraina vẫn đang diễn ra, nhưng một số nước xuất khẩu gạo chính của ASEAN cho biết xung đột này sẽ không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động xuất khẩu gạo của họ tới thị trường hai nước trên. Cụ thể:

- Theo Liên đoàn Lúa gạo Campuchia, xung đột Nga-Ukraine sẽ không có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động xuất khẩu gạo của nước này. Liên đoàn cho biết khu vực Đông Âu không phải là khách hàng chính của Campuchia. Ước tính Campuchia chỉ xuất khẩu khoảng 17,5 nghìn tấn gạo tới Nga trong vòng 5 năm gần đây (2017-2021), chiếm chỉ khoảng 0,55% tổng khối lượng gạo nước này xuất khẩu ra thế giới. Năm 2021, Campuchia cũng chỉ xuất khẩu 2,2 nghìn tấn gạo, trị giá 1,96 triệu USD tới Nga. Trong 2 tháng đầu năm 2022, Campuchia đã xuất khẩu 200 tấn gạo trị giá 200,6 nghìn USD tới Nga, chiếm khoảng 0,19% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo của nước này ra toàn cầu. Tương tự, xuất khẩu gạo sang Ukraine trong 5 năm (2017-2021) chỉ đạt 572 tấn, chiếm lượng không đáng kể trong kim ngạch xuất khẩu gạo của Campuchia.

- Trong năm 2021, Thái Lan đã xuất khẩu khoảng 6,1 triệu tấn gạo, tăng 6,7% so với năm 2020. Trong đó, xuất khẩu gạo trắng đạt 2,4 triệu tấn, tăng 18,9% so với năm trước; xuất khẩu gạo Thái Hom Mali đạt 1,4 triệu tấn, giảm 1,7%; xuất khẩu gạo đỏ đạt 1,4 triệu tấn, tăng 1,6%; xuất khẩu gạo thơm đạt khoảng 550,6 nghìn tấn, giảm 4,1%; và xuất khẩu gạo nếp khoảng 310,9 nghìn tấn, tăng 12,4%. Dự báo xuất khẩu gạo năm 2022 của nước này có thể tăng lên mức 7 triệu tấn. Bên cạnh đó, căng thẳng Nga-Ukraine dự báo sẽ không có nhiều tác động đến hoạt động xuất khẩu gạo của Thái Lan vì lượng xuất khẩu gạo của Thái Lan sang các nước này rất thấp, cụ thể chỉ khoảng 6 nghìn tấn sang Nga và 3 nghìn tấn sang Ukraine trong năm 2021.

2. Cà phê

Theo dự báo của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ, niên vụ 2021/2022, nhập khẩu cà phê nhân của Malaysia không đổi so với niên vụ trước đạt 1,7 triệu bao. Tổng nhập khẩu cà phê của Philippin là 5,6 triệu tấn, trong đó nhập khẩu cà phê hòa tan không đổi so với niên vụ trước là 4,85 triệu bao, tiêu thụ nội địa của không đổi ở mức 6,25 triệu bao, tồn kho cuối niên vụ là 600 nghìn bao. Trong khi đó nhập khẩu cà phê hòa tan của Indonesia dự báo giảm 25 nghìn bao so với niên vụ trước xuống 675 nghìn bao, tiêu thụ nội địa của Indonesia tăng 50 nghìn bao lên 4,75 triệu bao, tồn kho cuối niên vụ là 834 nghìn bao.

3. Cao su

Bên cạnh ảnh hưởng của việc giá dầu thô tăng, giá cao su thiên nhiên cũng đang hưởng lợi từ chênh lệch cung - cầu. Theo ước tính của Hiệp hội Các nước sản xuất cao su tự nhiên, sản lượng cao su toàn cầu trong năm 2022 có thể đạt 14,55 triệu tấn, trong khi nhu cầu tiêu thụ có thể lên tới 14,8 triệu tấn, tăng 4 - 5% so với năm 2021.

Đại dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp trên thế giới, nhu cầu găng tay cao su và quần áo bảo hộ cá nhân tăng mạnh, đây là động lực quan trọng để gia tăng sức cầu với sản phẩm cao su tự nhiên trong năm.

Bên cạnh đó, giai đoạn 2022- 2024 được dự báo là chu kỳ tăng mạnh của giá cao su do nguồn cung đang giảm dần (diện tích vườn cao su trên thế giới giảm và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu).

4. Tiêu

Hai tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam sang Thái Lan lần đầu tiên đạt mốc 1 tỷ USD trong 2 tháng đầu năm, tăng 9,5% so với cùng kỳ năm 2021. Về xuất khẩu các mặt hàng nông sản sang Thái Lan, nhìn chung các mặt hàng đều giảm so với cùng kỳ năm 2021. Cụ thể, trong 2 tháng đầu năm, xuất khẩu hàng rau quả sang Thái Lan đạt 18,4 triệu USD, giảm 17% so với cùng kỳ năm 2021; hạt điều đạt 7 triệu USD, giảm 4,1%; cà phê đạt 1,9 triệu USD, giảm 38%. Riêng mặt hàng thủy sản và hạt tiêu đều ghi nhận tăng trưởng dương so với cùng kỳ năm ngoái. Xuất khẩu hạt tiêu đạt 3,8 triệu USD, tăng 58% so với cùng kỳ năm 2021.

PHỤ LỤC

Bảng 2. Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang ASEAN tháng 2/2022

Sản phẩm	Tháng 2/ 2022 (USD)	Tăng /giảm so T1/2022	Tăng /giảm so T2/2021	Tỷ trọng
Cà phê	19.339.872	-40,96%	-6,45%	6%
Cao su	3.630.971	-23,48%	4,30%	1%
Chè	756.223	-39,42%	-24,31%	0%
Gạo	151.439.688	16,36%	179,72%	49%
Gỗ và sản phẩm gỗ	13.037.917	-41,46%	28,94%	4%
Hàng rau quả	17.863.050	-15,26%	18,08%	6%
Hàng thủy sản	49.967.189	-13,59%	87,65%	16%
Hạt điều	3.893.604	-32,72%	70,41%	1%
Hạt tiêu	4.363.047	23,20%	170,68%	1%
Phân bón các loại	16.139.173	-54,49%	46,66%	5%
Sản phẩm từ cao su	6.797.123	-13,78%	120,47%	2%
Sắn và các sản phẩm từ sắn	906.387	490,68%	205,04%	0%
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	18.571.474	-35,80%	18,04%	6%
Tổng	306.705.718	-12,82%	85,68%	100%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang ASEAN tháng 2/2022

TT	Loại sản phẩm	Tháng 2/2021		Tháng 2/2022		So sánh 2022/2021(%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo trắng	58.833	31.805.602	258.872	117.875.584	340,0%	270,6%
2	Gạo thơm	36.046	19.538.193	57.166	27.937.187	58,6%	43,0%
3	Các loại gạo khác	9.042	4.738.642	16.120	7.680.792	78,3%	62,1%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng rau quả sang ASEAN tháng 2/2022

TT	Sản phẩm	Tháng 2/2021	Tháng 2/2022	So sánh
		(USD)	(USD)	T1.2022/T1.2021
	Tổng giá trị XK	2.828.690	5.001.084	76,8%
1	Dừa	266.486	2.401.962	801,3%
2	Sầu riêng	2.852.063	2.243.884	-21,3%
3	Ớt	1.436.042	1.245.142	-13,3%
4	Thanh long	943.861	925.047	-2,0%
5	Khoai lang	16.670	739.853	4338,2%
6	Hạt macca	225.478	727.284	222,6%
7	Bưởi	6.931.195	5.093.644	-26,5%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5. Giá trị xuất khẩu cà phê sang ASEAN tháng 2/2022

Mặt hàng	T2/2021 (USD)	T2/2022 (USD)	So sánh T1/2021 và T1/2022
Cà phê tan	11.021.045	8.122.202	-26,30%
Chưa rang chưa khử cafein	8.775.113	8.526.409	-2,83%
Khác	608.593	2.117.672	247,96%
	266.250	331.013	24,32%
Đã rang chưa khử cafein		192.000	
Chưa rang đã khử cafein			
Tổng	20.671.001	19.289.295	-6,68%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6. Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường ASEAN tháng 1/2022

Loại sản phẩm	Tháng 2/2022 (USD)	Tháng 2/2021 (USD)	So sánh 2022/21 (%)
Cá da trơn	14.658.705,6	5.936.276,2	146,9%
Cá ngừ	2.978.512,3	1.905.060,4	56,3%
Cá rô phi	481.118,2	176.672,4	172,3%
Cua, ghẹ	214.249,1	70.898,0	202,2%
Mực và bạch tuộc	5.391.726,9	3.521.558,7	53,1%
Tôm	4.211.127,9	2.288.490,5	84,0%
Thủy sản khác	22.233.412,0	12.835.444,3	73,2%
Tổng	50.168.851,9	26.734.400,5	87,7%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 7. Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm chăn nuôi sang ASEAN tháng 2/2021

TT	Sản phẩm	T2/2021 (USD)	T2/2022 (USD)	So sánh 2022 /2021
1	Động vật sống khác	3000,00	2.440,00	-19%
2	Gia cầm sống	30.210,96	128.635,26	326%
3	Phụ phẩm giết mổ		20.714,80	
4	Thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối, v.v.)	51.712,89	9.583,90	-81%
5	Thịt trâu, bò, đông lạnh.		92.322,59	
6	Thịt và phụ phẩm giết mổ của gia cầm	50.400,00		
7	Tổng	135.323,85	253.696,55	87%